

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST  
Ngày: 05- 4 -2023  
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công  
xây dựng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Phong.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Đặng Minh Lý;
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hiếu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một:** Bà Lê Thị Thủy –  
Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 571/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng T; địa chỉ: khu tái định cư P, Khu p, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp:** Ông Phạm Văn S, sinh năm 1988; địa chỉ: đường B, Tổ X, Khu phố Y, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/02/2022), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Trần Minh T1, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố X, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Võ Hiệp T, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố X, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. **Người làm chứng:** Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1974; địa chỉ: khu tái định cư P, Khu p, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Đại diện nguyên đơn ông Phạm Văn S trình bày:**

Ngày 07/10/2019, Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng T (Công ty T) và ông Trần Minh T1 có ký hợp đồng thi công xây dựng công trình: Nhà ở gia đình, mục đích cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Bình Dương thuê. Nội dung hợp đồng: Thi hành xây dựng trọn gói công trình theo bản vẽ thiết kế gồm 01 tầng hầm, 01 tầng trệt và 03 tầng lầu, địa điểm xây dựng: phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1584/QSDĐ do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/9/2004, giá trị hợp đồng: 6.952.500.000 đồng, trường hợp phát sinh thêm khối lượng thì tính theo khối lượng phát sinh thỏa thuận của hai bên. Trong thời gian thi công thì bên A phải tạm ứng và thanh toán cho bên B theo tiến độ thi công, số tiền còn lại sẽ sau khi hoàn thành công trình và bàn giao cho bên A thì bên A thanh toán hết số tiền còn lại sau khi trừ đi tiền tạm ứng và thanh toán trước đó. Cuối tháng 7/2020, ông T1 đã giao nhà cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Bình Dương. Trong quá trình thi công ông Trần Minh T1 đã tạm ứng 07 lần tổng số tiền là 9.000.000.000 đồng, đồng thời nhiều lần ông T1 mượn lại tổng số tiền 2.430.000.000 đồng, như vậy ông T1 đã thanh toán được 6.570.000.000 đồng, số tiền còn lại là 382.500.000 đồng. Ngoài các hạng mục trong hợp đồng, ông T1 đã yêu cầu thi công thêm các hạng mục khác, giá trị 249.985.000 đồng, bao gồm: Hồ phòng cháy chữa cháy: 90.000.000 đồng, thi công phần đường dây điện và đường ống nước: 22.500.000 đồng, cửa cuốn: 17.550.000 đồng, đá Granit (hoa cương): 16.000.000 đồng, gạch nền sân thượng: 18.864.000 đồng, cửa nhôm: 85.071.000 đồng. Công trình đã thi công và bàn giao đúng thời hạn theo hợp đồng cho ông T1 để ông T1 bàn giao cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Bình Dương sử dụng cho đến nay.

Đến ngày 29/01/2021, Công ty T và ông Trần Minh T1 đã đối chiếu công nợ, tổng số tiền ông T1 còn thiếu là 632.485.000 đồng. Tuy nhiên, ông T1 không thanh toán, mặc dù công ty T đã nhiều lần yêu cầu. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh T1 phải thanh toán số tiền 632.485.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 10%/năm tính từ ngày khởi kiện đến thời điểm xét xử là 68.167.827 đồng, tổng cộng số tiền ông T1 phải trả là 700.652.827 đồng.

Bị đơn ông Trần Minh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Hiệp T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T1, bà T không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Minh T1 có địa chỉ cư trú tại Khu phố X, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Ngày 07/10/2019 giữa Công ty T và ông Trần Minh T1 có ký hợp đồng thi công xây dựng số 07/HĐTC-2019 để xây dựng công trình tại phường Chánh Nghĩa, hiện nay ông T1 chưa thanh toán số tiền còn nợ nên Công ty T khởi kiện. Như vậy, quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”.

Bị đơn ông Trần Minh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Hiệp T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt ông T1, bà Thành theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng thi công xây dựng số 07/HĐTC-2019 ngày 07/10/2019, bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty T và ông Trần Minh T1 ngày 29/01/2021 xác định giữa công ty T và ông Trần Minh T1 có ký hợp đồng xây dựng công trình tại phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một và tính đến ngày 29/01/2021 ông Trần Minh T1 còn nợ công ty T số tiền 632.485.000 đồng nhưng đến nay ông T1 chưa thanh toán cho công ty T. Như vậy, hiện tại ông Trần Minh T1 còn nợ Công ty T số tiền 632.485.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Theo Hợp đồng thi công xây dựng số 07/HĐTC-2019 ngày 07/10/2019 các bên không thỏa thuận lãi suất, hiện nay nguyên đơn Công ty T yêu cầu ông T1 phải trả lãi suất chậm trả là 10%/năm tính từ ngày khởi kiện ngày 08/3/2022 cho đến khi xét xử ngày 05/4/2023 (01 năm 28 ngày) với lãi suất 10%/năm là 68.167.827 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, ông Trần Minh T1 phải có trách nhiệm trả cho công ty T tổng cộng số tiền là 700.652.827 đồng, trong đó tiền gốc là 632.485.000 đồng, tiền lãi là 68.167.827 đồng.

[4] Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án bị đơn ông Trần Minh T1 không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy thể hiện bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, lời đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Minh T1 phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 166, Điều 280, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng T đối với bị đơn ông Trần Minh T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”.

Buộc ông Trần Minh T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng T số tiền nợ gốc là 632.485.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 08/3/2022 đến ngày xét xử ngày 05/4/2023 là 68.167.827 đồng, tổng cộng là 700.652.827 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Minh T1 phải nộp số tiền 32.026.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng T không phải nộp án phí; Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng T 17.116.000 đồng số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001208 ngày 27/4/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Phong**